

Số: 152 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 11 tháng 10 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bến Cát ngày 28 tháng 9 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3803/TTr-CCBVMT ngày 10 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bến Cát, địa chỉ tại Khu phố 2, đường Hùng Vương, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học Cơ sở Hòa Lợi thành Trường Tiểu học An Lợi tại phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học Cơ sở Hòa Lợi thành Trường Tiểu học An Lợi.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

1.3. Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 11 tháng 03 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng trường THCS Hòa Lợi thành trường Tiểu học An Lợi.

1.4. Mã số thuế: 3701257898.

1.5. Quyết định thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bến Cát số 2878/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát.

1.6. Loại hình dự án: Công trình giáo dục.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.7.1. Phạm vi:

- Tổng diện tích Dự án 11.641,90m², trong đó: Đất xây dựng công trình 4.284,12m²; đất xây dựng sân chơi, bãi tập, giao thông nội bộ: 3.837m²; đất sân vườn: 3.520,78m².

+ Các hạng mục công trình cải tạo: Khối phòng chức năng phục vụ học tập và hành chính quản trị diện tích 1.813,79m²; Nhà tập thể thao đa năng thành nhà ăn kết hợp nhà đa năng - Nhà bếp diện tích 1.036m²; Nhà thường trực diện tích 12m²; Nhà xe cán bộ công nhân viên và học sinh diện 832m²; cổng trường; hàng rào.

+ Các công trình, hạng mục công trình đầu tư xây dựng mới: Khối phòng học, phục vụ học tập và hành chánh quản trị diện tích 590,33m²; sân chơi diện tích 3.663m²; đường nội bộ diện tích 174m².

1.7.2. Quy mô:

- Dự án nhóm B theo tiêu chí tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công.

- Dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.7.3. Công suất: 30 lớp học; 1.050 học sinh, 81 giáo viên.

1.8. Đơn vị thụ hưởng: Trường Tiểu học An Lợi.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.



2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bến Cát và Trường Tiểu học An Lợi:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bến Cát và Trường Tiểu học An Lợi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình thu gom, xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bến Cát có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Khi bàn giao lại cho Trường Tiểu học An Lợi thì Trường Tiểu học An Lợi có trách nhiệm tiếp tục quản lý và thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày ...11... tháng ...10... năm 2023 đến ngày ...11... tháng ...10... năm 2033).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực

hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học Cơ sở Hòa Lợi thành Trường Tiểu học An Lợi của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bến Cát theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Ban QL D&ĐT XD thị xã Bến Cát;
- Trường Tiểu học An Lợi;
- Sở Xây dựng;
- UBND thị xã Bến Cát;
- UBND phường Hòa Lợi;
- Công Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, M.Trung6.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Thúy

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **132** /GPMT-STNMT ngày **11** tháng **10** năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh với lưu lượng lớn nhất khoảng 17 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ nhà bếp, bồn rửa chén với lưu lượng lớn nhất khoảng 34 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải từ bồn rửa tay, vệ sinh nhà rác với lưu lượng lớn nhất khoảng 19 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh N1, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương sau đó chảy vào Rạch Bến Trắc và cuối cùng đổ vào sông Thị Tính.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Trường hợp 1 (Khi đường ĐT.741 chưa có hệ thống thoát nước):
 - + Hố ga DN.P1 trên đường NE8 (đã được Chi nhánh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp – CTCP Xi nghiệp Phát triển công nghiệp và Đô thị Mỹ Phước chấp thuận đấu nối tại Biên bản ngày 11/8/2023).
 - + Tọa độ vị trí xả nước thải X(m)= 1227230.24, Y(m)=599531.00 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45⁰, múi chiếu 3⁰).
- Trường hợp 2 (Khi trên đường ĐT.741 có hệ thống thoát nước):
 - + Công thống thoát nước trên đường ĐT.741 (đã được Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát chấp thuận đấu nối tại Văn bản số 5230/UBND-KT ngày 17/12/2021).
 - + Tọa độ vị trí xả nước thải X(m)= 1227988.26, Y(m)=599523.03 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45⁰, múi chiếu 3⁰).
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 70 m³/ngày.đêm (trung bình 2,9 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Trường hợp 1 (Khi đường ĐT.741 chưa có hệ thống thoát nước): Nước thải sau xử lý (đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0) được bơm vào đường ống HDPE D180mm, dài 5m => Ống HDPE D60mm, dài 800m trên đường ĐT.741 => Hố ga DN.P1 trên đường NE8 (đã được Chi nhánh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp – CTCP Xí nghiệp Phát triển công nghiệp và Đô thị Mỹ Phước chấp thuận đấu nối tại Biên bản ngày 11/8/2023) => Tự chảy theo cống BTCT D1500mm, dài 900m trên đường NE8 => Kênh N1 => Rạch Bến Trắc => Sông Thị Tính.

- Trường hợp 2 (Khi trên đường ĐT.741 có hệ thống thoát nước): Nước thải sau xử lý (đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0) được bơm vào đường ống HDPE D180mm, dài 5m => Cống thoát nước trên đường ĐT.741 (đã được Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát chấp thuận đấu nối tại Văn bản số 5230/UBND-KT ngày 17/12/2021) => Hố ga DN.P1 trên đường NE8 (đã được Chi nhánh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp – CTCP Xí nghiệp Phát triển công nghiệp và Đô thị Mỹ Phước chấp thuận đấu nối tại Biên bản ngày 11/8/2023) => Tự chảy theo cống BTCT D1500mm, dài 900m trên đường NE8 => Kênh N1 => Rạch Bến Trắc => Sông Thị Tính.

- Hình thức xả:

+ Trường hợp 1 (Khi đường ĐT.741 chưa có hệ thống thoát nước): Nước thải sau xử lý được bơm từ công trình xử lý nước thải ra hố ga DN.P1 trên đường NE8 sau đó tự chảy ra nguồn tiếp nhận.

+ Trường hợp 2 (Khi trên đường ĐT.741 có hệ thống thoát nước): Nước thải sau xử lý được bơm từ công trình xử lý nước thải ra cống thoát nước trên đường ĐT.741 sau đó tự chảy ra nguồn tiếp nhận.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,0, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9		

2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	30	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500		
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5		
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	6		
11	Coliform	MPN/100mL	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh với lưu lượng lớn nhất khoảng 17 m³/ngày.đêm => Đường ống uPVC D60mm, D90mm, D114mm => Bể tự hoại bố trí theo từng khu nhà vệ sinh (09 bể tự hoại trong đó 02 bể thể tích 18m³, 05 bể thể tích 9m³, 02 bể thể tích 3,5m³) => Đường ống uPVC D114mm => Tuyến ống thu gom chung HDPE D180mm => công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Nước thải xám phát sinh từ bồn rửa chén, bếp với lưu lượng lớn nhất khoảng 34 m³/ngày.đêm => Đường ống uPVC D42mm, D60mm, D90mm => Đường ống uPVC D114mm => Bể tách dầu, mỡ (thể tích 9,5m³) bố trí cạnh nhà bếp để xử lý sơ bộ => Tuyến ống thu gom chung HDPE D180mm => Công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ bồn rửa tay, nước lau sàn, nước vệ sinh nhà rác... với lưu lượng lớn nhất khoảng 19 m³/ngày.đêm => Đường ống uPVC D42mm, D60mm, D90mm => Tuyến ống thu gom chung HDPE D180mm => Công trình xử lý

nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh (*sau bể tự hoại*) + Nước thải phát sinh từ bồn rửa chén, bếp (*sau bể tách dầu*) + Nước thải phát sinh từ bồn rửa tay, nước lau sàn, nước vệ sinh nhà rác => Song chắn rác => Hồ thu gom => Bể điều hòa => Bể sinh học thiếu khí => Bể sinh học hiếu khí => Bể lắng => Bể khử trùng => Bồn lọc => Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 70 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chất dinh dưỡng (*mật rỉ đường*), Javen, NaOH, vật liệu lọc (*cát, sỏi..*).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành công trình theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.

- Khi công trình xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian; chuẩn bị men vi sinh dự phòng cho bể kỵ khí. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 03 tháng (*từ ngày 10/8/2025 đến ngày 10/11/2025*).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1 Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- Mẫu đầu vào của công trình xử lý nước thải (tại Hồ thu gom), tọa độ: $X(m) = 1228006.71$; $Y(m) = 599505.78$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

- Mẫu đầu ra tại hố ga quan trắc nước thải sau xử lý (sau Bồn lọc), tọa độ: $X(m) = 1227998.43$; $Y(m) = 599504.42$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu (trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải):

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn hiệu chỉnh do Chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải).

- Loại mẫu: Mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại Hồ thu gom và 03 mẫu nước thải đầu ra tại hố ga quan trắc nước thải sau xử lý sau khử trùng trong 03 ngày liên tiếp).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo phương án đấu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Xây dựng điểm quan trắc nước thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Rà soát các công trình, thiết bị xử lý chất thải, quy trình vận hành công trình xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và đưa ra giải pháp khắc phục; cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung (nếu có) các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Thường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

+ Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải hoặc từng hạng mục công trình xử lý chất thải không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải để vận hành lại. Trình tự, thủ tục, thời gian vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải được thực hiện như vận hành thử nghiệm lần đầu.

+ Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành công trình xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra, lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.



Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **132** /GPMT-STNMT ngày **11** tháng **10** năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải (mùi hôi) phát sinh từ Hồ thu gom, Bể điều hòa, Bể sinh học thiếu khí, Bể sinh học hiếu khí, Bể lắng và Bể chứa bùn của công trình xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải. Tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 1227988,22$; $Y(m) = 599499,46$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,8$ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	mg/Nm ³	6	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	mg/Nm ³	40		
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về công trình xử lý khí thải:

Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ Hồ thu gom, Bể điều hòa, Bể sinh học thiếu khí, Bể sinh học hiếu khí, Bể lắng và Bể chứa bùn của công trình xử lý nước thải có thành phần chủ yếu là H_2S , NH_3 , CH_3SH được thu gom bằng quạt hút (*lưu lượng 500 m³/giờ*) qua các đường ống dẫn uPVC D150mm về công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (*mùi hôi*) => Đường ống dẫn uPVC D150mm => Quạt hút (*lưu lượng 500 m³/giờ*) => Tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH nồng độ 2% (*tháp hình trụ, đường kính 400mm, chiều cao 2m*) => Ống phát thải (*ống uPVC D150mm, chiều cao 1,5m*).

- Hóa chất sử dụng: NaOH dạng bột với khối lượng 18 kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp thụ, quạt hút theo quy trình vận hành công trình, kiểm tra toàn bộ công trình để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Cùng với thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (*dự kiến từ 10/8/2025 đến 10/11/2025*).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: $X(m) = 1227988.22$; $Y(m) = 599499.46$ (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°*).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung Mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp.
- Loại mẫu: Mẫu đơn.
- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Xây dựng điểm quan trắc khí thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình, công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành công trình xử lý khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 132 /GPMT-STNMT ngày 11 tháng 10 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực công trình xử lý nước thải (từ máy thổi khí, quạt hút, máy bơm).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tọa độ: X(m) = 1227997,86; Y(m) = 599507,89 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	60	55	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; tạo khoảng cách cách ly và trồng cây xanh trong khuôn viên trạm xử lý nước thải theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành công trình xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không

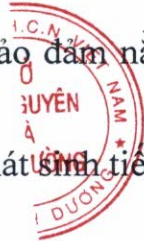


tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 132/GPMT-STNMT ngày 11 tháng 10 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu
1	Mực và nhựa thải có chứa các thành phần nguy hại	120	Rắn/lỏng	16 01 09	KS
2	Chất tẩy rửa có chứa thành phần nguy hại	140	Lỏng	16 01 10	KS
3	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải có linh kiện điện tử; đèn led	180	Rắn	16 01 13	NH
4	Bao bì mềm (đã chứa hóa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	210	Rắn	18 01 01	KS
5	Bao bì kim loại (đã chứa hóa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	185	Rắn	18 01 02	KS
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải ra là chất thải nguy hại) thải	205	Rắn	18 01 03	KS
7	Dung dịch hóa chất vô cơ thải	2.000	Lỏng	19 05 04	KS
8	Pin, Ắc quy chì thải	20	Rắn	19 06 01	NH
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	3.060			

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
2	Dầu, mỡ thải từ bể tách dầu, mỡ	12 06 11	365
1	Bùn thải từ công trình xử lý nước thải	12 06 13	3.869
TỔNG KHỐI LƯỢNG			4.234

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh Khi Dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của học sinh, giáo viên và công nhân viên, bao gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác với lượng khoảng 585 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 8 thùng chứa loại 60 lít có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 5m² (đặt cạnh nhà điều hành công trình xử lý nước thải của Dự án).

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao xung quanh và mái che; nền được gia cố bằng bê tông chống thấm, đảm bảo kín mít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; nhà chứa chất thải nguy hại phải có cửa và ổ khóa, bên ngoài dán biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định (kích thước mỗi chiều khoảng 30cm); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa);...theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 01 thùng chứa loại 120 lít có nắp đậy để lưu chứa dầu mỡ thải; bể chứa bùn thể tích 5m³ để lưu chứa bùn thải từ công trình xử lý nước thải, định kỳ 03 tháng hút 01 lần; bùn phát sinh từ bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2.2. Kho lưu chứa: Thùng chứa dầu mỡ thải được lưu chứa trong kho chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 8m^2 .

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị 9 thùng chứa loại 240 lít có nắp đậy đặt tại kho lưu chứa chất thải sinh hoạt diện tích 8m^2 .

2.3.2. Kho lưu chứa:

- 01 nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 8m^2 (đặt cạnh nhà điều hành trạm xử lý nước thải).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Được xây dựng bằng tường gạch, mái tôn, nền bê tông ốp gạch men, cửa ra vào bằng nhôm có khóa, có rãnh thu nước và đường ống cấp nước vệ sinh, trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Xây dựng quy định quản lý trường học, hướng dẫn giáo viên, công nhân viên, học sinh thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác*), chất thải nguy hại, trang bị các bao bì, thùng chứa (*dán nhãn theo từng loại rác thải*) phù hợp để lưu trữ các loại chất thải. Dầu mỡ thải từ bể tách mỡ được nhân viên vận hành công trình xử lý nước thải thu gom và lưu chứa tại kho lưu chứa chất thải sinh hoạt. Bùn thải từ công trình xử lý nước thải được chứa trong bể chứa bùn.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thị xã Bến Cát theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thị xã Bến Cát để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Phụ lục 5



CÁC YÊU CẦU VỀ KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **132** /GPMT-STNMT ngày **11** tháng **10** năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công, hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án.

4. Đối với khối lượng đất dôi dư cần vận chuyển ra ngoài dự án (theo quy định về khoáng sản thì đây là loại khoáng sản làm vật liệu san lấp và phải được quản lý, cấp phép theo quy định), đề nghị liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xin cấp phép theo quy định pháp luật về khoáng sản.

5. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.